

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2024/DS-PT
Ngày 22 - 5 - 2024
“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Ngô Đê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Ông Thạch Vũ, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 414/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2024/QĐXXPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thùy A, sinh năm 1960; Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt có lý do)

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thùy A: Ông Huỳnh Thiên S, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2024 có mặt)

Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc S, sinh năm 1959; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Ngọc S: Bà Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1955; địa chỉ: 45/18/10 đường T, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 08/01/2024 có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1960; Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt có lý do)

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc L: Ông Huỳnh Thiên S, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2024 có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thùy A là nguyên đơn và bà Trần Thị Ngọc S là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện ủy quyền cho nguyên đơn bà Nguyễn Thùy A trình bày:

Ngày 25/9/2020, bà A có cho bà Trần Thị Ngọc S vay tổng cộng bằng 155.349.000 đồng, bà S có viết biên nhận nợ cho bà A, không có thỏa thuận lãi suất, không có quy định thời gian trả lại tiền vốn, đối với số tiền vốn vay bà A cũng có yêu cầu bà S trả nhiều lần nhưng bà S không trả, đến ngày 29/12/2022 âm lịch (29 Tết) bà S có trả cho bà A bằng 2.000.000 đồng, không có làm giấy tờ, bà A đồng ý trừ lại tiền vốn vay. Do gia đình hai bên cũng quen biết, nên bà A thống nhất cho bà S trả dần mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng, thời gian trả là tiếp theo ngày 29/12/2022 âm lịch, đến ngày trả tiền bà A có gặp và yêu cầu bà S trả nhưng bà S không trả, sau đó bà A có gửi đơn nhờ Ban nhân dân khóm giải quyết nhưng không thành, cho nên bà A khởi kiện ra Tòa án nhờ giải quyết đến nay.

Đối với số tiền vốn được ghi trong biên nhận nợ ngày 25/9/2020 không có khoản tiền vốn 100.000.000 đồng mà bà S nợ của ông L (chồng của bà A), tiền bà S nợ ông L là khoản tiền riêng và số tiền 100.000.000 đồng bà S mượn của ông L, bà S đã trả cho ông L xong. Trong biên nhận nợ ngày 25/9/2020 thì có 146.349.000 đồng bà S nợ của bà A và có 9.000.000 đồng là tiền của ông L đóng lãi dùm cho bà S, ông L đã có văn bản thống nhất giao cho bà A khởi kiện trong cùng vụ án này.

Nay bà Nguyễn Thùy A yêu cầu bà Trần Thị Ngọc S trả cho bà A tiền vốn vay còn nợ bằng 153.349.000 đồng, bà A yêu cầu tính lãi từ ngày 25/9/2020 cho đến ngày giải quyết xong vụ án, với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Ngọc S có lời trình bày:

Biên nhận nợ ngày 25/9/2020 số tiền 155.349.000 đồng bà A khởi kiện thì bà thừa nhận có ký tên xác nhận nợ, tuy nhiên đối với số tiền ghi trong biên nhận này là tiền bà vay của ông L bằng 100.000.000 đồng và vay của bà A 02 lần bằng 40.000.000 đồng, còn lại 15.349.000 đồng là tiền lãi của khoản tiền vay 40.000.000 đồng và khoản tiền vay 100.000.000 đồng, cho nên biên nhận nợ ngày 25/9/2020 bà ký tên chấp nhận có nợ của bà A và ông L, chứ không phải nợ một mình bà A, bà xin trình bày cụ thể các khoản vay tiền của ông L và bà A như sau:

Đối với số tiền vốn vay 100.000.000 đồng bà vay của ông L vào ngày 16/8/2019 để trả tiền của Hồng Y là con ruột bà vay tiền tại ngân hàng bằng 100.000.000 đồng trước, do hợp đồng vay tiền của Y đến hạn trả, cho nên bà gặp ông L hỏi vay tiền của ông L để trả tiền dùm cho Y, tiền của ông L bà là người vay chứ không phải Hồng Y vay. Sau khi bà trả tiền vay dùm cho Hồng Y

xong, lấy lại quyền sử dụng đất của Y, bà quay lại gặp ông L tính gửi cho ông L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Hồng Y để làm tin vay tiền của ông L, nhưng ông L có nói do hai gia đình quen biết, không cần phải làm giấy tờ và cũng không cần phải lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm tin, bà không có làm giấy tờ vay tiền với ông L, lãi suất thỏa thuận đối với số tiền vốn 100.000.000 đồng mỗi tháng bà phải đóng lãi cho ông L bằng 1.100.000 đồng, tiền lãi bà đóng cho bà A nhận đủ 13 tháng đầu cho ông L, không có làm giấy tờ, sở dĩ bà nhớ tháng đóng lãi là do bà có tham gia góp hụi của bà U ở xã L, lúc bà U bị bê hụi (bà U hiện nay bị công an bắt) nên bà ngưng không có đóng lãi cho ông L tiếp.

Trước đây bà A có bán bánh chuối nướng, chè, khoai mì, nước... tại chợ N, bà A ngồi chung sạp với bà (bàn của ai nấy để đồ bán) gần Tết bà A có bán thêm nước yến, lầy nồi làm tỏi đen, nồi cơm điện, sữa về bán thêm, bà A có bán cho bà: 02 hộp sữa, tỏi đen, 02 thùng yến, nồi làm tỏi đen, nồi cơm điện... mặc dù những thứ này bà không có nhu cầu sử dụng, bà không muốn mua, mà bà A buộc bà mua về sử dụng, bà A cứ kêu bà lấy sài đi từ từ trả tiền lại cho bà A, bà không nhớ các loại đồ bà A bán cho bà là bà thiếu bà A bao nhiêu tiền, bà A có ghi lại, cũng tại thời điểm này bà có nhờ bà A tham gia hụi 01 phần hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, có 16 phần, bà A tham gia hụi của ai bà không biết, bà A là người lãnh tham gia, mọi giao dịch là do bà A giao dịch với chủ hụi, tới ngày khai hụi bà chỉ đưa tiền cho bà A đóng hụi hụi (do chị, em bán chung bà rất tin tưởng bà A) bà có nhờ bà A bỏ thăm hụi ở lần thứ 02, tiền hụi chủ hụi giao cho bà A nhận rồi bà A tự tính toán tiền lãi của khoản vay của ông L 100.000.000 đồng, tiền lãi của khoản vay bà nợ bà A 40.000.000 đồng và tiền bà A bán đồ thiếu cho bà như bà kể trên, sau khi trừ xong hết các khoản bà trình bày bà A còn thối lại cho bà gần 4.000.000 đồng (các khoản này bà A tự tính hết, bà không biết), phần hụi này đến nay đã mãn hụi và bà đã hoàn thành xong tiền đóng hụi với bà A, những ý kiến bà trình bày về các khoản tiền thiếu và tiền hụi hụi rồi trừ nợ với bà A, hai bên không có làm giấy tờ.

Bà không nhớ, ngày, tháng, năm, lần 01 bà có vay của bà A bằng 10.000.000 đồng, lần 02 bà hỏi vay tiếp 30.000.000 đồng nữa là 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng, không có làm giấy tờ, trong khoản tiền lần 02 có 15.000.000 đồng bà vay trị bệnh cho chị D (con bà), lúc này chị D bị bệnh phải nhập viện mổ, nợ này bà là người vay và đã tính chung vô biên nhận ngày 25/9/2020 rồi.

Cho nên ngày 25/9/2020 tại nhà bà A, bà với bà A, ông L có tính toán lại các khoản tiền bà nợ ông L và bà A, trước khi viết biên nhận nợ cũng có tính tiền ra miếng giấy các khoản tiền bà nợ, sau khi tính toán lại đúng số tiền bà nợ ông L và bà A, rồi ông L viết biên nhận nợ, còn chữ ký tên S là của bà, sau khi viết biên nhận xong, ông L cũng có nói “kêu bà về tính lại nếu có gì sai thì chị em tính lại”, bà thấy số tiền bà nợ của bà A và ông L đã đúng trong biên nhận nợ ngày 25/9/2020 nên bà không có nói gì và cũng không có tính lại.

Đối với số tiền vốn vay 100.000.000 đồng bà vay của ông L, bà biết tiền ông L vay ở ngân hàng nông nghiệp rồi cho bà vay lại, bà không có tiền trả cho ông L đúng hạn để trả ngân hàng, nên ông L điện thoại nói với anh V là con bà

về số tiền bà vay của ông L, anh V cũng có nói với ông L để anh V lo trả phụ với bà 01 phần để cho ông L trả trước cho ngân hàng, cho nên anh V mới chuyển khoản cho ông L số tiền bằng 57.000.000 đồng, nội dung chuyển tiền anh V để CON YEU (anh V kêu ông L bằng Ba Út, anh V có nộp cho Tòa án bản sao kê tài khoản), 50.000.000 đồng là tiền vốn, còn 7.000.000 đồng là tiền đóng lãi.

Còn lại số tiền 50.000.000 đồng ông L viết sẵn tờ cam kết ghi trong vòng 06 tháng (từ ngày 10/8/2021 đến ngày 10/02/2022) bà trả hết cho ông L để ông L trả ngân hàng, tờ cam kết ông L viết sẵn ở nhà rồi đem ra nhà bà kêu bà ký tên vô (lúc này gần 7 giờ tối). Còn dòng chữ kế bên bắt đầu từ chữ “tôi thiếu 150 máy cho đến chữ đáo hạn” là của bà viết, chị D ký tên D, còn lại dòng chữ người chứng I cho đến Nguyễn Thị Hồng D là của ông L viết. Mục đích bà viết dòng chữ đó là có lý do, nếu bà chết thì con bà là người lãnh trách nhiệm trả tiền cho ông L. Hết hạn viết cam kết bà trả đủ số tiền 50.000.000 đồng cho ông L, lúc này bà có trả thêm 23.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng bà với anh V trả đủ tiền vốn vay mà bà nợ ông L bằng 100.000.000 đồng, còn tiền lãi đã đóng ở khoản vay này bà không yêu cầu tính lại, không có làm giấy tờ, bà chỉ lấy lại tờ cam kết của bà ký với ông L, coi như tiền vay bà nợ ông L bằng 100.000.000 đồng bà đã trả xong, cho nên số tiền trong biên nhận nợ ngày 25/9/2020 bà chỉ còn nợ bà A bằng 55.349.000 đồng, không có viết lại biên nhận khác, trong tổng số tiền còn nợ lại bà A bằng 55.349.000 đồng bà có trả cho bà A bằng 2.000.000 đồng vào ngày 29/12/2022 âm lịch (29 Tết), lúc này bà A kêu bà mỗi tháng trả cho bà A bằng 3.000.000 đồng, bà cũng đồng ý, do bà không có tiền trả được cho bà A, hiện nay bà chỉ còn nợ lại bà A tổng cộng bằng 53.349.000 đồng, chứ không phải nợ 153.349.000 đồng như bà A khởi kiện bà, số tiền này bà xin trả mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng như lời bà A hứa vào ngày 29 Tết nguyên đán tại nhà bà, xin không trả lãi.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng D trình bày:

Chị là con ruột của bà S, sống chung nhà với bà S, chị có biết bà S vay tiền của ông L bằng 100.000.000 đồng và nợ của bà A tiền vốn vay bằng 40.000.000 đồng, còn lại số tiền 15.349.000 đồng là tiền lãi bà A tính của khoản vay 40.000.000 đồng và khoản vay 100.000.000 đồng của ông L, cho nên số tiền 155.349.000 đồng trong biên nhận ngày 25/9/2020 là chị biết bà S có nợ bà A với ông L.

Tiền vay 100.000.000 đồng của ông L thì anh V (là em chị) có trả giùm cho bà S bằng 57.000.000 đồng (trong đó trả vốn bằng 50.000.000 đồng, còn lại 7.000.000 đồng là tiền lãi), anh V chuyển khoản trả cho ông L.

Còn lại số tiền 50.000.000 đồng ông L có viết tờ cam kết sẵn ở nhà đem ra nhà kêu bà S ký tên vô (lúc này gần 7 giờ tối) nội dung cam kết trong vòng 06 tháng trả đủ 50.000.000 đồng. Còn dòng chữ kế bên bắt đầu từ chữ “tôi thiếu 150 máy cho đến chữ đáo hạn” là của bà S viết, chị có ký tên D, còn lại dòng chữ người chứng I cho đến Nguyễn Thị Hồng D là của ông L viết giùm. Mục đích bà S viết dòng chữ đó ở mặt kế bên tờ cam kết, bà S có nói nếu bà chết thì chị là người lãnh trách nhiệm trả, hết hạn cam kết bà S có trả cho ông L bằng

50.000.000 đồng tiền vốn và có đóng lãi tổng cộng bằng 23.000.000 đồng, rồi bà S lấy lại tờ cam kết, không có làm giấy tờ.

Đối với số tiền 155.349.000 đồng trong biên nhận nợ ngày 25/9/2020 bà S và anh V đã trả cho ông L nhận bằng 100.000.000 đồng và bà S trả thêm 2.000.000 đồng cho bà A nhận. Cho nên bà S chỉ còn nợ lại bà A số tiền bằng 53.349.000 đồng.

Tiền bà S còn nợ bà A cũng có khoản tiền vốn 15.000.000 đồng bà S vay cho chị nhập viện mổ, tiền này bà S vay không phải chị vay, bà A với bà S có tính chung trong biên nhận ngày 25/9/2020 rồi. Nay chị lãnh trách nhiệm trả tiền bà S còn nợ cho bà A bằng 53.349.000 đồng thay cho bà S, do bà S lớn tuổi, chị xin trả mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng như bà A đồng ý cho bà S trả vào ngày 29 Tết nguyên đán tại nhà chị, còn lãi suất xin không trả.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 414/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thùy A.

Buộc bà Trần Thị Ngọc S có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thùy A tổng cộng bằng 163.448.926 đồng (trong đó vốn vay bằng 153.349.000 đồng và tiền lãi bằng 10.139.926 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, bà Trần Thị Ngọc S là bị đơn trong vụ án kháng cáo: Bà S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thùy A, buộc bà – Trần Thị Ngọc S trả cho bà A số tiền 53.349.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Ngày 02/10/2023, bà Nguyễn Thùy A là nguyên đơn trong vụ án kháng cáo: Bà A yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, buộc bà Trần Thị Ngọc S trả cho bà số tiền 153.349.000 đồng và tiền lãi đến tháng 9/2023 là 45.820.618 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không ai bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bà Trần Thị Ngọc S có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thùy A tổng cộng bằng 163.448.926 đồng (trong đó vốn vay bằng 153.349.000 đồng và tiền lãi bằng 10.139.926 đồng) là phù hợp với quy định pháp luật cũng như các tình tiết khách quan của vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thùy A và bà Trần Thị Ngọc S còn trong hạn pháp luật quy định, nội dung và hình thức đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Ngọc S, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại Biên nhận nợ ngày 25/9/2020 (BL 03) nội dung biên nhận thể hiện: “Tôi Trần Thị Ngọc S sinh năm 1959 có nhận của Nguyễn Thùy A sinh năm 1960 số tiền 155.349.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà S thừa nhận chữ ký trong biên nhận này là của bà, tuy nhiên bà S cho rằng trong số tiền 155.349.000 đồng tại biên nhận ngày 25/9/2020 này là có bao gồm số tiền 100.000.000 đồng mà bà vay của ông L - là chồng bà A vào ngày 16/8/2019 (số tiền 100.000.000 đồng này bà đã trả cho ông L xong); đồng thời ngày 29/12/2022 âm lịch (29 Tết) bà S có trả cho bà A nhận bằng 2.000.000 đồng và đồng ý trừ lại nên chỉ còn nợ lại là 53.349.000 đồng. Vấn đề này không được bà Nguyễn Thùy A và ông Nguyễn Ngọc L thừa nhận, bà A và ông L trình bày số tiền ghi trong biên nhận ngày 25/9/2020 chỉ có 9.000.000 đồng ông L đóng lãi trả nợ ngân hàng dùm cho bà S, còn lại là tiền bà S nợ bà A, không có khoản tiền 100.000.000 đồng bà S mượn ông L, số tiền ông L cho bà S mượn 100.000.000 đồng là khoản tiền riêng của ông L với bà đã trả lại cho ông L xong.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà S không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền 155.349.000đ ghi trong biên nhận ngày 25/9/2020 có bao gồm số tiền 100.000.000 đồng bà vay của ông L. Tại Tòa án cấp phúc thẩm bà S có nộp thêm tài liệu, chứng cứ trong đó có biên nhận ngày 25/9/2020 có nội dung: tiền mượn và linh tinh 61.349.000 đồng, tổng cộng 155.349.000 đồng, kèm theo biên nhận ngày 25/9/2020 thể hiện nội dung bà S có nhận của bà A số tiền 155.349.000 đồng, cũng không có nội dung nào thể hiện trong số tiền 155.349.000 đồng này có số tiền 100.000.000 đồng mà bà S vay của ông L.

Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc bà Trần Thị Ngọc S có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thùy A tổng cộng bằng 163.448.926 đồng (trong đó vốn vay bằng 153.349.000 đồng và tiền lãi bằng 10.139.926 đồng) là phù hợp với quy định pháp luật cũng như tình tiết khách quan của vụ án nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc S

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thùy A, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại biên nhận nợ ngày 25/9/2020 các bên không có thỏa thuận lãi suất, không quy định thời gian trả lại tiền vốn, đến ngày 29/12/2019 âm lịch (nhằm ngày 20/01/2023 dương lịch) bà S có trả cho bà A bằng 2.000.000 đồng và bà A đồng ý mỗi tháng cho bà S trả bằng 3.000.000 đồng, thời gian trả tính là ngày 29/12/2022 âm lịch (nhằm ngày 20/01/2023 dương lịch), nhưng đến hạn bà S không trả, cho nên ngày bà S vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà A được tính là ngày 20/01/2023 dương lịch theo quy định tại Điều 46 Bộ luật dân sự. Việc bà A yêu cầu tính lãi từ ngày 25/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận. Mức lãi suất bà A yêu cầu 0,83%/tháng là phù hợp nên được chấp nhận. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận tiền lãi suất được tính: Ngày 20/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/9/2023 là 07 tháng 29 ngày x 153.349.000 đồng x 0,83%/tháng bằng 10.139.926 đồng là phù hợp.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thùy A.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên xét xử phúc thẩm là phù hợp với quy định pháp luật cũng như nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không bị cải sửa có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự: Do yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thùy A và bà Trần Thị Ngọc S không được chấp nhận nên phải chịu án phí do bà A, bà R là người cao tuổi, có đơn xin được miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thùy A và bà Trần Thị Ngọc S.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 414/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thùy A.
2. Buộc bà Trần Thị Ngọc S có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thùy A tổng cộng bằng 163.448.926 đồng (trong đó vốn vay bằng 153.349.000 đồng và tiền lãi bằng 10.139.926 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thùy A và bà Trần Thị Ngọc S được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mến